

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 167/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2010

THÔNG TƯ

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu một số mặt hàng khoáng sản thuộc nhóm 2614 trong Biểu thuế xuất khẩu

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 830/2009/UBTV12 ngày 17/10/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 và Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 22/02/2003 của Chính phủ qui định về việc phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu một số mặt hàng khoáng sản thuộc nhóm 2614 trong Biểu thuế xuất khẩu như sau:

Điều 1. Mức thuế suất thuế xuất khẩu.

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng khoáng sản thuộc nhóm 2614 qui định tại Danh mục mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Thông tư số 216/2009/TT-BTC ngày 12/11/2009 của Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế xuất khẩu mới qui định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 78/2010/TT-BTC ngày 20/5/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm 2614 trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi./. *Tr*

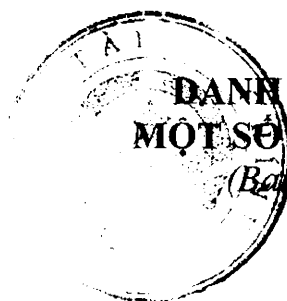
Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân TC;
- Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



**DANH MỤC MỨC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU
MỘT SỐ MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 167 /2010/TT-BTC
ngày 27/10 /2010 của Bộ Tài chính)*

Thuộc các nhóm, phân nhóm				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				Quặng titan và tinh quặng titan	
2614	00	10		- Quặng inmenite và tinh quặng inmenite:	
2614	00	10	10	- - Inmenit hoàn nguyên ($\text{TiO}_2 \geq 56\%$ và $\text{FeO} \leq 11\%$)	15
2614	00	10	20	- - Xi titan ($\text{TiO}_2 \geq 85\%$)	15
2614	00	10	30	- - Rutile nhân tạo và rutile tổng hợp ($\text{TiO}_2 \geq 83\%$)	15
2614	00	10	90	- - Loại khác	30
2614	00	90	00	- Loại khác	20